

Bản án số:170/2024/DS-ST

Ngày: 05-9-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel

Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:273/2024/TLST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2024; Về việc: *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:398/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T. Địa chỉ trụ sở công ty: Số 128, đường N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Anh H, sinh năm 2000. Địa chỉ liên lạc: Số 47, đường L, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 542/84, đường N, khóm

X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T là ông Võ Anh H trình bày:*

Vào ngày 21/10/2022, chị Trần Ngọc L có đến chi nhánh của Công ty T tại Sóc Trăng để cầm cố xe mô tô biển số 83P2-835.30 để vay số tiền 9.900.000 đồng, lãi suất là 1,1%/tháng, thời gian cầm xe là 12 tháng. Hai bên thỏa thuận, thống nhất ký hợp đồng cầm cố tài sản số: STM221001008NA16X, Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến trên hệ thống của Cục đăng ký Quốc gia. Do chị Trần Ngọc L có nhu cầu sử dụng xe nên thỏa thuận với Công ty để mượn lại xe mô tô cầm cố nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị Trần Ngọc L đã không trả tiền vốn, lãi góp đúng như thỏa thuận và đến nay còn nợ lại Công ty số tiền vốn cầm cố xe là 6.808.000 đồng; Tiền lãi tạm tính đến ngày 08/6/2024 là 1.358.000 đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2024 là 1.793.567 đồng (Trong đó, tiền lãi trong hạn là 599.104 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.194.463 đồng) và Tiền phí theo dõi là 3.557.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn chị Trần Ngọc L trả tiền phí mượn xem và quản lý hồ sơ với số tiền là 3.557.000 đồng.

Vì vậy, nay nguyên đơn Công ty T khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xem xét, giải quyết: Buộc chị Trần Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Công ty T số tiền vốn, tiền lãi trong hạn và quá hạn còn nợ nêu trên và tiền lãi suất tiếp tục phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

** Bị đơn chị Trần Ngọc L được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn Công ty T khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền vốn, lãi vay còn nợ lại theo Hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn

đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn chị Trần Ngọc L. đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, buộc bị đơn chị Trần Ngọc L. có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi vay còn nợ lại nêu trên cho nguyên đơn, cũng như tiền lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi chị L. thanh toán xong khoản nợ đã cầm cố cho nguyên đơn theo Hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn trả tiền phí mượn xe và quản lý hồ sơ với số tiền 3.557.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn Công ty T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn chị Trần Ngọc L. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện bị đơn chị Trần Ngọc L. yêu cầu thanh toán số tiền vốn và tiền lãi vay theo Hợp đồng cầm cố tài sản hai bên đã ký. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo nội dung thỏa thuận tại khoản 7 của Phụ lục hợp đồng cầm cố hai bên thỏa thuận, ký kết nêu trên khi có phát sinh tranh chấp nếu không thương lượng được thì Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết và nguyên đơn đã lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về yêu cầu trả tiền phí theo dõi hồ sơ với số tiền là 3.557.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu trả tiền phí theo dõi hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn chị Trần Ngọc L thanh toán tiền vốn, tiền lãi cầm cố tài sản theo Hợp đồng cầm cố ngày 21 tháng 10 năm 2022 giữa hai bên, thỏa thuận ký kết thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi tiền vốn và lãi còn nợ lại, bị đơn chị Trần Ngọc L không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền vốn là 6.808.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2024 là 1.793.567 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Hợp đồng cầm cố số STM221001008NA16X ngày 21/10/2022; Phụ lục hợp đồng kèm theo; Giấy ủy quyền ngày 21/10/2022 của chị Trần Ngọc L đồng ý giao tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 83P2-835.30; Giấy mượn xe 21/10/2022 của chị Trần Ngọc L; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 21/10/2022 của chị Trần Ngọc L với Công ty T, chi nhánh Sóc Trăng; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P2-835.30 của chị Trần Ngọc L và các tài liệu chứng cứ khác (bút lục số 16 đến 38) và Các tài liệu, chứng cứ này đều thể hiện nội dung bị đơn chị Trần Ngọc L có cầm cố xe mô tô biển số 83P2-835.30 cho Công ty T, chi nhánh Sóc Trăng để lấy số tiền 9.900.000 đồng, bị đơn chị Trần Ngọc L đều có ký tên, nhận nợ và nguyên đơn Công ty T cũng thừa nhận sau khi nhận số tiền cầm cố xe mô tô thì bị đơn bà Trần Ngọc L có trả góp tiền nợ gốc cho nguyên đơn số tiền 3.092.000 đồng, còn nợ lại tiền vốn gốc là 6.808.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng là 1.793.567 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị đơn chị Trần Ngọc L có cầm cố tài sản để vay tiền và còn nợ lại Công ty T số tiền vốn là 6.808.000 đồng; Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2024 là 1.793.567 đồng (Trong đó, tiền lãi trong hạn là 599.104 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.194.463 đồng).

Do bên cầm cố chị Trần Ngọc L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi, định kỳ hàng tháng theo nội dung thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố số

STM221001008NA16X ngày 21/10/2022 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn chị Trần Ngọc L yêu cầu thanh toán tiền vốn, tiền lãi trong hạn và quá hạn còn nợ lại tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm với tổng số tiền 8.601.567 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Đối với tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 83P2-835.30 của chị Trần Ngọc L do hai bên Công ty T với chị L thỏa thuận cho chị L mượn lại xe mô tô này theo Giấy mượn xe 21/10/2022 và nguyên đơn không có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001604 biển số 83P2-835.30 do chị Trần Ngọc L đứng tên, được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/7/2022 hiện do Công ty T giữ, nên có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Ngọc L sau khi chị L trả xong số tiền nợ cầm cố nêu trên.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn chị Trần Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định số tiền là 430.078 đồng. Nguyên đơn Công ty T không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 309, 310, 315 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T đối với bị đơn chị Trần Ngọc L, về việc tranh chấp Hợp đồng cầm cố số STM221001008NA16X ngày 21/10/2022;

2. Buộc bị đơn chị Trần Ngọc L có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty T số tiền vốn vay, tiền lãi vay trong hạn và quá hạn (tạm tính đến ngày 05/9/2024) tổng cộng là 8.601.567 đồng. Trong đó, tiền vốn là 6.808.000 đồng; Tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.793.567 đồng (Trong đó, tiền lãi trong hạn là 599.104 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.194.463 đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Ngọc L chậm thanh toán số tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo Hợp đồng cầm cố số STM221001008NA16X ngày 21/10/2022 mà giữa hai bên đã thỏa thuận, ký kết tương ứng với thời gian chậm thi hành án, tính từ ngày 06/9/2024 cho đến khi hoàn tất thanh toán số tiền nêu trên.

Công ty T có nghĩa vụ giao trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001604, biển số 83P2-835.30 do chị Trần Ngọc L đứng tên, được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/7/2022 cho chị Trần Ngọc L, sau khi chị L trả xong số tiền nêu trên.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T, đối với yêu cầu bị đơn chị Trần Ngọc L trả tiền phí mượn xe và quản lý hồ sơ.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1 Buộc bị đơn chị Trần Ngọc L có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 430.078 đồng.

4.2 Nguyên đơn Công ty T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001886 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha